

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2018
THÔNG QUA KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2019**

Kính gửi: - Các Quý vị cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Quyết định số 3754/HĐTV-NSHN ngày 28/12/2018 của Hội đồng thành viên Công ty Nước sạch Hà Nội về việc phê duyệt kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2019;
- Căn cứ Quyết định số 3755/NSHN-KHĐT ngày 28/12/2018 của Công ty Nước sạch Hà Nội về việc Ban hành kế hoạch SXKD và đầu tư XDCB năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội ngày 20/5/2015;

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Giám đốc Công ty đã chỉ đạo các phòng ban, chi nhánh tổng kết kết quả thực hiện SXKD năm 2018, dự thảo kế hoạch SXKD năm 2019. Giám đốc Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả SXKD năm 2018, dự thảo Kế hoạch SXKD năm 2019, cụ thể:

A. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2018:

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018:

S T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết/ Kế hoạch 2018	Thực hiện năm 2018	Tăng trưởng TH/KH
1	Sản lượng, cơ cấu cấp nước đầu vào.				
	Sản lượng nước tự sản xuất	m3	13.868.010	14.029.443	101,16%
	Sản lượng nước mua	m3	28.897.100	29.283.335	101,34%
	Tổng lượng cấp vào mạng	m3	42.765.110	43.312.778	101,28%
	Sản lượng nước thu được tiền	m3	38.433.919	39.357.774	102,40%
2	Tổng doanh thu thuần	đồng	392.599.833.862	398.028.896.367	101,38%
	Doanh thu kinh doanh sản xuất, cấp nước	“	351.709.833.862	359.933.375.754	102,34%
	Doanh thu xây lắp và thiết kế	“	34.390.000.000	22.412.133.975	65,17%
	Doanh thu tài chính, khác	“	6.500.000.000	15.683.386.638	241,28%
3	Tổng chi phí	đồng	376.733.014.000	382.087.693.677	101,42%
	Chi phí kinh doanh sản xuất, cấp nước	“	343.520.317.000	351.579.752.436	102,35%

S T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Nghi quyết/ Kế hoạch 2018	Thực hiện năm 2018	Tăng trưởng TH/KH
	Chi phí hoạt động thiết kế xây lắp.	“	33.212.697.000	22.121.765.229	66,61%
	Chi phí khác	“		8.386.176.012	
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	15.866.819.862	15.941.202.690	100,47%
5	Lợi nhuận sau thuế	đồng	12.693.455.890	12.744.612.521	100,40%
6	Lãi cơ bản/1 cổ phiếu (EPS)	Đồng	111,738	112,217	100,40%
	- Chưa trích lập các quỹ	“	223,47	224,34	100,40%
	- Đã trích lập các quỹ	“	111,73	112,17	100,40%

II. Kết quả thực hiện công tác đầu tư XDCB

Năm 2018, Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội đã tổ chức triển khai thực hiện các dự án hình thành TSCĐ và XDCB được giao theo kế hoạch, giá trị thực hiện đạt 81.178 triệu đồng. Trong đó: Đầu tư xây dựng công trình cấp nước: 79.104 triệu đồng, mua sắm máy móc thiết bị tài sản: 1.994 triệu đồng, cải tạo sửa chữa củng cố cơ sở vật chất 80 triệu đồng.

* Tình hình thực hiện giải ngân:

- Năm 2018 bố trí Kế hoạch vốn phục vụ giải ngân cho các công trình thi công cấp nước, mua sắm tài sản và cải tạo sửa chữa củng cố cơ sở vật chất của Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội là: 229.451 triệu đồng. Trong đó:

+ Nguồn vốn KHTSCĐ: 65.864 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: 163.587 triệu đồng

- Thực hiện giải ngân: Năm 2018 thực hiện giải ngân các dự án đầu tư đạt 78.741 triệu đồng đạt 34,32% trong đó:

+ Vốn KHTSCĐ: 36.906 triệu đồng (đạt 56% kế hoạch giao), trong đó:

Đầu tư xây dựng công trình cấp nước: 35.135 triệu đồng.

Mua sắm tài sản: 1.766 triệu đồng.

Cải tạo sửa chữa củng cố cơ sở vật chất: 5 triệu đồng.

+ Vốn huy động: 41.835 triệu đồng (đạt 25,57 % kế hoạch giao), trong đó:

Đầu tư xây dựng công trình cấp nước: 41.835 triệu đồng.

Mua sắm tài sản: 0 triệu đồng.

Cải tạo sửa chữa củng cố cơ sở vật chất: 0 triệu đồng.

Công tác tổ chức thực hiện các dự án đầu tư tuân thủ các quy định hiện hành.

Việc thực hiện giải ngân năm 2018 giảm 65,68 % so với Kế hoạch giao do ảnh hưởng cả yếu tố khách quan và nguyên nhân chủ quan:

- Yếu tố khách quan: Do ảnh hưởng của yếu tố khách quan, công tác giải ngân năm 2018 giảm 44,28% so với kế hoạch giao (101.615 triệu đồng).

+ Dự án chưa được giao đất để thực hiện triển khai thi công dự án Phục hồi, cải tạo trạm cấp nước Sài Đồng công suất 5.000m³/ngđ, năm 2018 chưa thực hiện giải ngân cho dự án (61.611 triệu đồng).

+ Công tác thẩm định phê duyệt phương án đền bù GPMB Xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho 03 xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Hồng Kỳ trong vùng ảnh hưởng môi trường bán kính 500-1000m từ khu LHXLCT Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn của UBND huyện Sóc Sơn chưa được phê duyệt ảnh hưởng đến việc quyết toán chi phí thực hiện dự án (5.082 triệu đồng).

+ Thực hiện ký kết hợp đồng tín dụng để huy động vốn đầu tư thực hiện dự án hoàn thiện mạng Đông Anh và 03 dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước các khu vực còn lại của xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Xây dựng hệ thống cấp nước cho xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh giai đoạn I, Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước, chống TTT trên địa bàn Công ty quản lý phường Việt Hưng, quận Long Biên năm 2018) từ Quỹ đầu tư phát triển thành phố Hà Nội để được hỗ trợ lãi suất, tuy nhiên do quy trình thẩm định vay vốn quá phức tạp, thời gian để thực hiện giải ngân kéo dài nên dự án đã hoàn thành năm 2018 nhưng chưa được giải ngân (33.372 triệu đồng).

+ Thực hiện ký kết hợp đồng mua sắm vật tư phục vụ triển khai thi công Xây dựng hệ thống cấp nước khu vực ngoài đô thị xã Đông Dư, huyện Gia Lâm các đơn vị cung cấp vật tư chậm hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán nên không thực hiện giải ngân năm 2018 (1.550 triệu đồng).

- Yếu tố chủ quan: Một số công trình thực hiện chậm tiến độ công tác giải ngân năm 2018 giảm 21,39% so với kế hoạch giao (49.095 triệu đồng).

+ Một số công trình tổ chức thực hiện chậm tiến độ nên không có khối lượng để thực hiện giải ngân: (Cải tạo nâng cấp dây chuyền xử lý nước truyền thống trạm cấp nước Đông Anh; Cải tạo, bổ sung công nghệ lọc đợt 2 cho trạm cấp nước sân bay Gia Lâm; Cải tạo, bổ sung công nghệ lọc đợt 2 cho trạm cấp nước Đông Anh; Khoan thay thế giếng G2 Trạm cấp nước sân bay Gia Lâm; Khoan bổ sung 02 giếng khai thác dự phòng trạm cấp nước Yên Viên; Đầu bổ sung tuyến ống cấp nước khu vực huyện Gia Lâm năm 2018; Đầu bổ sung tuyến ống cấp nước khu vực huyện Đông Anh năm 2018; Đầu bổ sung tuyến ống cấp nước khu vực quận Long Biên năm 2018; Các công trình cải tạo cơ sở vật chất).

+ Một số công trình đã triển khai thi công và hoàn thành, đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ quyết toán. (Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước, chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý khu vực từ tổ 17 đến tổ 27 phường Thượng Thanh, quận Long Biên năm 2018; Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước, chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý khu vực XNNS Gia Lâm năm 2018; Xây dựng hệ thống cấp nước các khu vực còn lại của xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Xây dựng hệ thống cấp nước cho xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh giai đoạn I).

III. Đánh giá kết quả thực hiện.

+ Các mặt đã đạt được:

- Về các chỉ tiêu SXKD: Các chỉ tiêu SXKD năm 2018 của Công ty đều đạt, một số chỉ tiêu vượt mức kế hoạch đề ra.

- Về dịch vụ cấp nước: Duy trì sự ổn định và nâng cao dịch vụ cấp nước, đáp ứng nhu cầu dùng nước trên địa bàn, trong năm 2018 không xảy ra sự cố lớn nào về sản xuất

cũng như lưu thông phân phối làm gián đoạn cấp nước quá 2 ngày.

- Về chấp hành các quy định Nhà nước: Đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực hoạt động SXKD của Công ty.

- Tích cực tham gia và đóng góp thiết thực với nhiều phong trào thi đua, đời sống CBCNV được duy trì ổn định, thực hiện tốt mọi chế độ với người lao động, thu nộp ngân sách đầy đủ, đúng quy định.

+ Các tồn tại hạn chế:

- Mặc dù các chỉ tiêu SXKD của Công ty đều đạt và vượt kế hoạch, tuy nhiên kết quả hoạt động SXKD xét về mặt hiệu quả kinh tế chưa cao, lợi nhuận thấp do một số chính sách về thuế, phí tài làm tăng chi phí của Công ty; một số dự án thực hiện chậm hơn so với kế hoạch như dự án phục hồi trạm cấp nước Sài Đồng do có nhiều vướng mắc khó khăn về thủ tục.

- Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý hệ thống cấp nước chưa được đồng bộ, một số đề án thành lập các trung tâm chăm sóc khách hàng, trung tâm vận hành cấp nước, đề án sản xuất nước tinh khiết... trong quá trình triển khai còn gặp nhiều vướng mắc dẫn đến không đảm bảo tiến độ đề ra.

B. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. Các yếu tố tác động ảnh hưởng:

- Năm 2019 yếu tố tác động ảnh hưởng lớn nhất đến SXKD của Công ty là việc mua nước từ NMN Sông Đuống và yếu tố cạnh tranh. Sự việc trùng lấn đầu nối cấp nước vào các khách hàng có sản lượng tiêu thụ lớn trên địa bàn Công ty quản lý nếu không được Thành phố, Sở ngành liên quan giải quyết dứt điểm sẽ tạo tiền lệ và ảnh hưởng nghiêm trọng đến chỉ tiêu doanh thu và hiệu quả SXKD của Công ty.

- Năm 2019 Công ty sẽ phải cạnh tranh thực sự về thị phần, chất lượng dịch vụ cấp nước và đặc biệt là chất lượng nước cấp với các đơn vị cấp nước khác trên địa bàn cùng với việc chuẩn bị thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty theo quyết định của Thủ tướng chính phủ và kế hoạch của UBND Thành phố sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động SXKD của Công ty.

- Một số dự án đầu tư phát triển bị trùng lấp địa bàn đầu tư Thành phố đã giao cho đơn vị khác nên công tác phát triển khách hàng, mở rộng địa bàn cấp nước thực hiện rất khó khăn, đà tăng trưởng của Công ty trong năm 2019 vì vậy không thể tiếp tục giữ mức như các năm trước đây.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Thành phố (hạ ngầm các tuyến phố, xây dựng, cải tạo các tuyến đường, nhà ở tái định cư...) được đầu tư cải tạo sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hệ thống cấp nước, nguy cơ gây sự cố, thất thoát nước tăng cao; Công tác quản lý kỹ thuật hệ thống cấp nước sau khi triển khai nâng cấp hạ tầng cũng sẽ rất khó khăn.

II. Mục tiêu:

1. Giữ vững sự ổn định của Công ty trong mọi mặt hoạt động; Giữ vững thị phần cấp nước trên các địa bàn Công ty đang thực hiện dịch vụ cấp nước.

2. Duy trì dịch vụ cấp nước an toàn ổn định, đáp ứng nhu cầu dùng nước.

3. Tập trung tối đa cho công tác đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn, đẩy nhanh kế hoạch thực hiện cải thiện nâng cao chất lượng nước đáp ứng tiêu chuẩn nước

uống được tại hộ khách hàng theo yêu cầu của UBND Thành Phố.

3. Duy trì ổn định vững chắc tỷ lệ nước thu được tiên đã đạt được;

4. Tiếp tục nâng cao dịch vụ cấp nước hướng tới dịch vụ vì khách hàng; nâng cấp dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 4; thành lập trung tâm chăm sóc khách hàng, mở rộng lĩnh vực SXKD để tăng trưởng doanh thu.

5. Duy trì và giữ vững ổn định đời sống, công ăn việc làm và thu nhập của người lao động tại Công ty;

III. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và đầu tư xây dựng năm 2019:

1. Kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2019:

- Sản lượng nước sản xuất:	13.080.700 m ³
- Tổng sản lượng nước cấp vào mạng:	43.983.421 m ³
- Tỷ lệ nước thu tiên:	90,84 %
- Sản lượng nước thu tiên :	39.952.359 m ³
- Doanh thu tiên nước (bao gồm thuế, phí)	408.000.000.000 đồng
- Tổng doanh thu thuần: (không thuế, phí)	408.026.000.000 đồng
(bao gồm doanh thu tiên nước, xây lắp thiết kế và doanh thu khác...)	
- Lắp đặt đầu máy:	12.410 ĐM

2. Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản củng cố cơ sở vật chất năm 2019:
Tổng kế hoạch vốn dự kiến đầu tư : 180.089 triệu đồng,
Trong đó:

- Vốn vay	: 121.478 triệu đồng
- Bố trí vốn khấu hao TSCĐ theo nguồn được sử dụng	: 58.611 triệu đồng

(Chi tiết nội dung các chỉ tiêu kế hoạch SXKD & ĐTXD 2019 có Phụ lục kèm theo)

IV. Giải pháp thực hiện

1. Thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ được UBND Thành phố và Công ty NSHN giao. Duy trì công tác khai thác sản xuất cấp nước an toàn, ổn định, liên tục với chất lượng nước đảm bảo theo quy định.

2. Nâng cao chất lượng công tác quản trị điều hành và kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Công ty; từng bước ứng dụng phương pháp quản lý tiên tiến; cải thiện chất lượng nguồn nhân lực; nâng cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ. Thực hiện tốt công tác quản lý, quy hoạch, đào tạo, sắp xếp cán bộ đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao.

3. Tăng cường phân cấp, phân quyền cho các chi nhánh trực thuộc trên cơ sở chủ động kiểm tra giám sát, gắn trách nhiệm của người đứng đầu để tăng tính năng động và hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Từng bước tiếp cận và nâng cao mức độ hiện đại hóa công nghệ. Thu thập thông tin phản hồi từ khách hàng, đánh giá và ghi nhận kịp thời các thông tin ngược chiều đồng thời giải quyết dứt điểm những vướng mắc của khách hàng.

5. Hoàn thiện các cơ chế, quy định, quy chế quản lý; hiệu chỉnh các định mức kinh tế kỹ thuật theo hướng tăng năng suất hiệu quả lao động, giảm chi phí.

6. Tập trung công tác đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị sản xuất phù hợp; nghiên

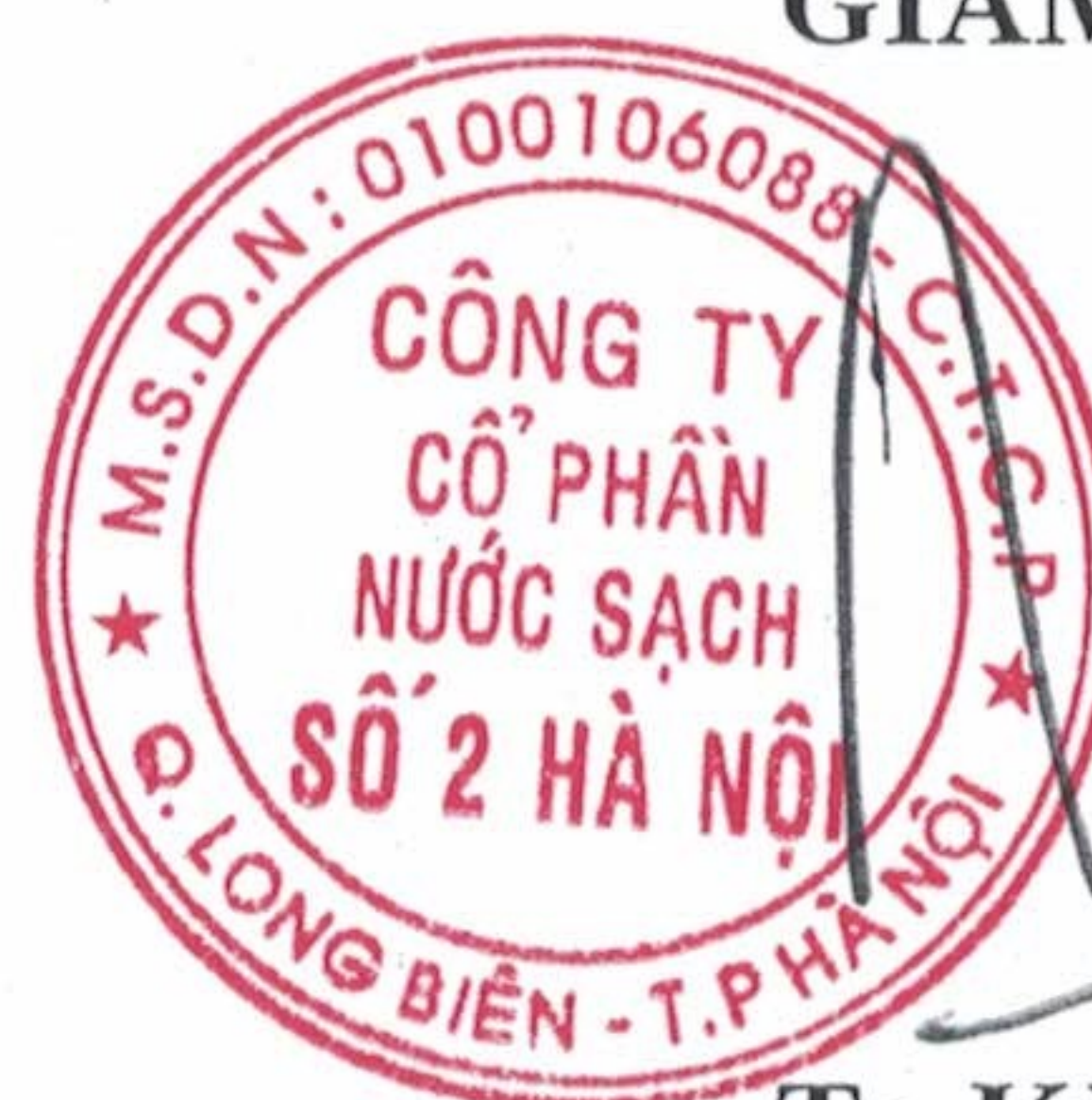
cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào quy trình quản lý, đặc biệt là các phần mềm nội bộ; nghiên cứu áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng vào công tác quản lý tạo tiền đề nâng cao năng lực phát triển SXKD cho các năm tiếp theo.

Trên đây là toàn bộ những nội dung Báo cáo về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD và đầu tư XD cơ bản năm 2019 và các giải pháp thực hiện, Giám đốc Công ty xin trân trọng báo cáo Hội đồng quản trị Công ty.

Nơi nhận:

- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- Lưu: KH - KT, TC - HC.

GIÁM ĐỐC ✱



Tạ Kỳ Hưng

PHỤ LỤC

Các bảng chỉ tiêu kế hoạch SXKD đầu tư xây dựng năm 2019
(Kèm theo báo cáo của Giám đốc Công ty ngày 12 tháng 4 năm 2019)

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tăng trưởng
1	Sản lượng, cơ cấu cấp nước đầu vào.				
	Sản lượng nước tự sản xuất	m ³	14.029.443	13.080.700	- 6,76%
	Sản lượng nước mua	m ³	29.283.335	30.902.721	5,53%
	Tổng lượng cấp vào mạng	m³	43.312.778	43.983.421	1,55%
	Sản lượng nước thu được tiền	m³	39.357.774	39.952.359	1,51%
2	Doanh thu tiền nước (bao gồm thuế, phí ...)	Đồng	406.232.357.690	408.000.000.000	0,44%
3	Tổng doanh thu thuần (không bao gồm thuế, phí ...)	Đồng	398.028.896.367	408.026.000.000	2,51%
3.1	Doanh thu kinh doanh sản xuất, cấp nước (tiền nước)	Đồng	359.933.375.754	360.980.361.695	0,29%
3.2	Doanh thu xây lắp và thiết kế	Đồng	22.412.133.975	39.974.545.455	78,36%
3.3	Doanh thu tài chính, khác	Đồng	15.683.386.638	7.071.092.850	-54,91%
4	Tổng chi phí	Đồng	382.087.693.677	391.857.320.000	2,56%
	Chi phí kinh doanh sản xuất, cấp nước	Đồng	351.579.752.436	352.835.916.532	0,36%
	Chi phí hoạt động thiết kế xây lắp.	Đồng	22.121.765.229	38.454.739.188	73,83%
	Chi phí khác	Đồng	8.386.176.012	566.664.279	-93,24%
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	15.941.202.690	16.168.680.000	1,44%
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	12.744.612.521	12.934.944.000	1,50%
7	Lãi cơ bản/1 cổ phiếu (EPS)	Đồng	112,217	113,868	1,651
	- Chưa trích lập các quỹ	Đồng	224,34	227,72	3,38
	- Đã trích lập các quỹ	Đồng	112,17	113,86	1,69

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản, củng cố cơ sở vật chất 2019.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
I	Đầu tư xây dựng công trình cấp nước	Tr. đồng	170.439	
1	Dự án chuyển tiếp	Tr. đồng	81.464	
2	Dự án mới 2019	Tr. đồng	88.975	
II	Mua sắm tài sản, máy móc thiết bị	Tr. đồng	4.850	
III	Cải tạo sửa chữa, củng cố cơ sở vật chất	Tr. đồng	4.800	
	Tổng cộng	Tr. đồng	180.089	